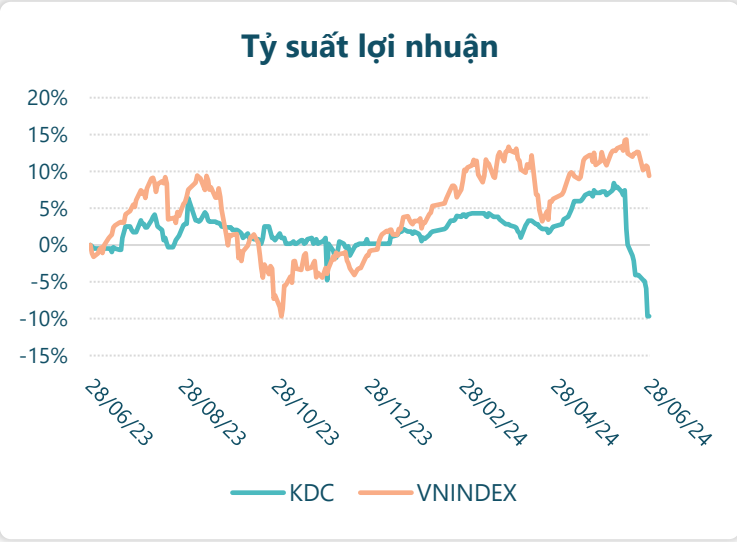


Ngày	55,000 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-15.8%	-12.0%	-9.8%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	55,000 - 66,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	15,939
Số lượng CPLH (CP)	289,806,316
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,464,415
Sở hữu nước ngoài	17.2%
Beta	0.20
EPS	-1,657
P/E	-33.2



Doanh thu thuần
Q2/24

1,717

tỷ VNĐ

QoQ: ▼98.0 | -5.4%

YoY: ▼590 | -25.6%

Nợ/VCSH
Q2/24

60.5%

YoY: +/-▲ 2.4%

LN gộp
Q2/24

270

tỷ VNĐ

QoQ: ▼89.0 | -24.7%

YoY: ▼51.0 | -15.8%

ROE (TTM)
Q2/24

-6.5%

YoY: +/-▼ 12.7%

LN trước thuế
Q2/24

10.5

tỷ VNĐ

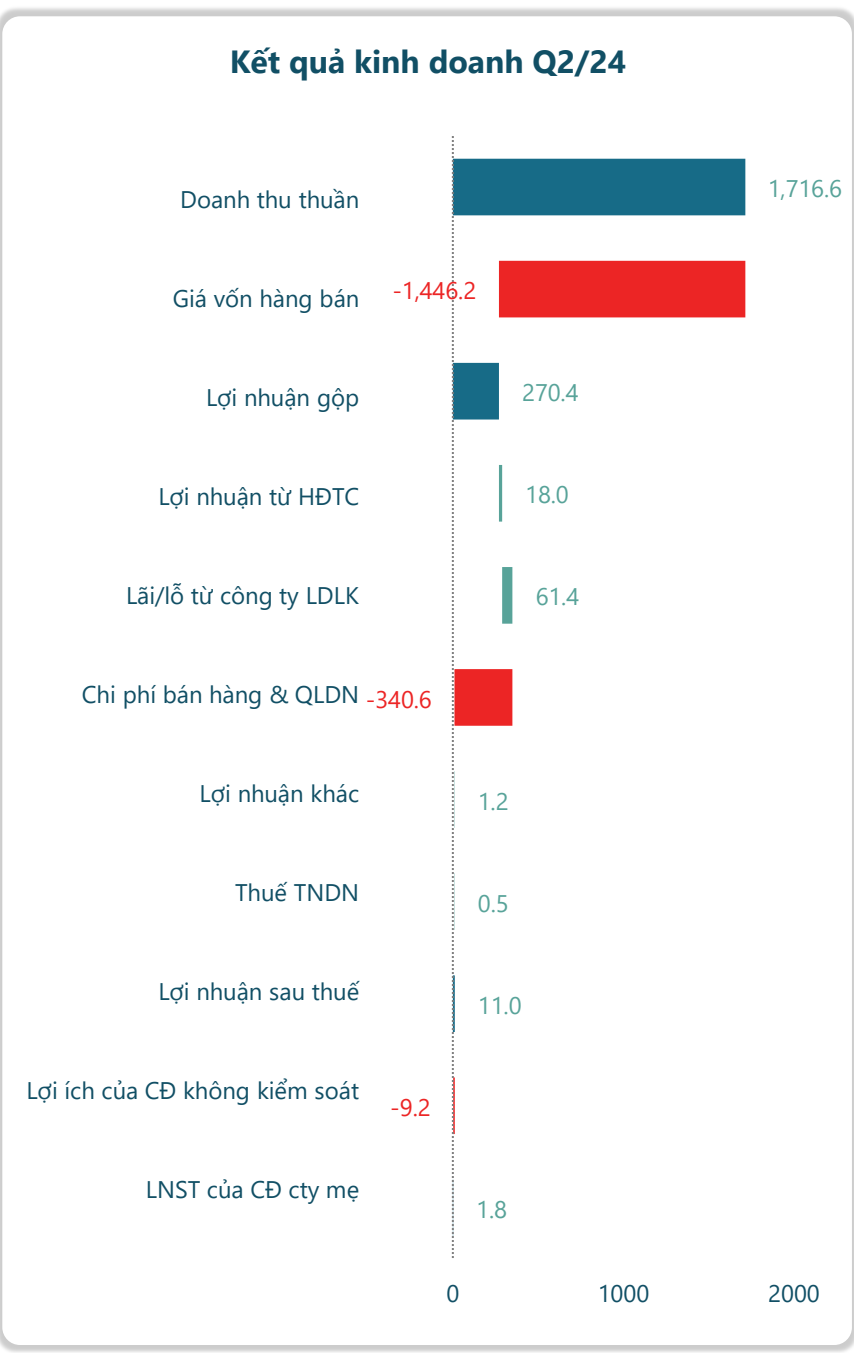
QoQ: ▼33.9 | -76.4%

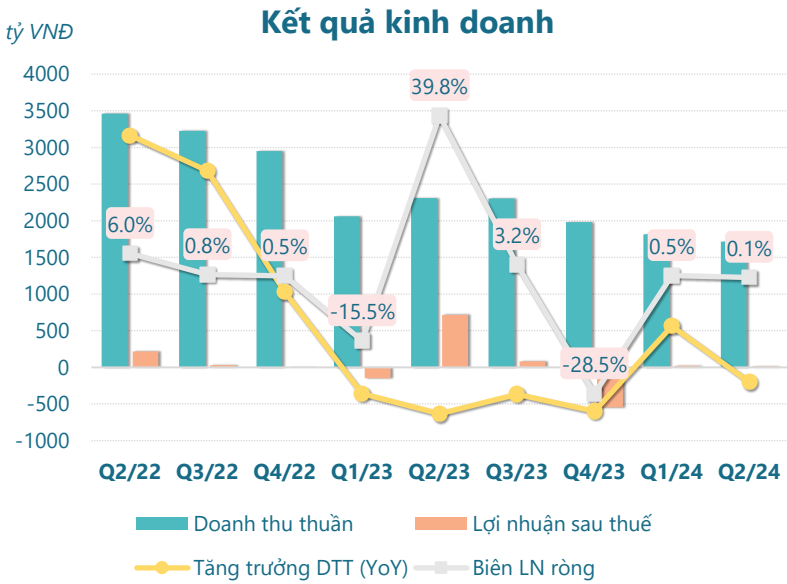
YoY: ▼740 | -98.6%

ROA (TTM)
Q2/24

-4.0%

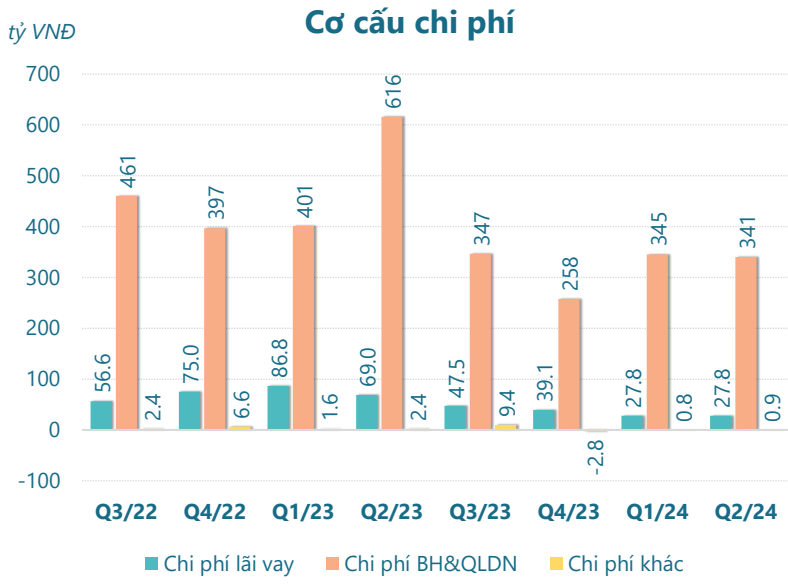
YoY: +/-▼ 7.5%





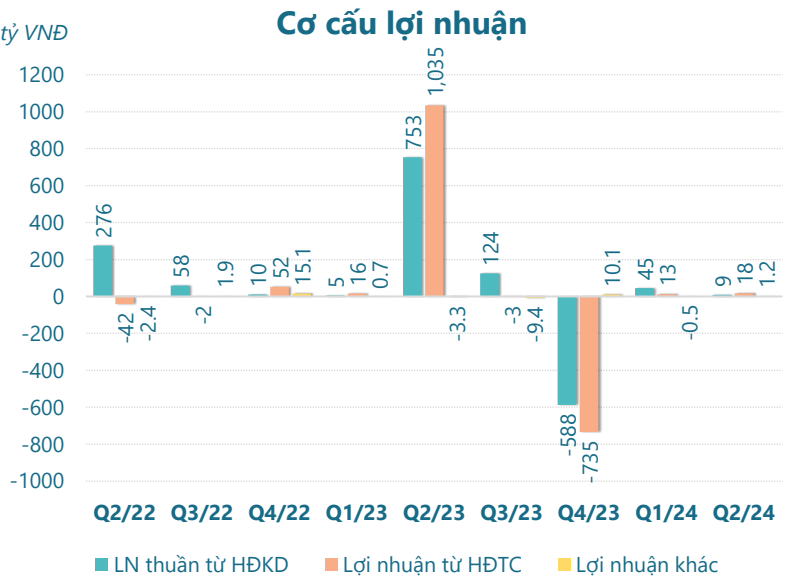
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 9.22 tỷ đồng**, giảm đi 79.4% so với kỳ trước và thấp hơn 98.8% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 17.98 tỷ đồng**, tăng thêm 41.0% so với kỳ trước và thấp hơn 98.3% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 1.24 tỷ đồng**, tăng thêm 1.74 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 4.58 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **KDC** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **1,717 tỷ đồng** giảm đi **25.6%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 10.96 tỷ đồng, giảm sút 98.5%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **3,532 tỷ đồng** thấp hơn 19.1% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 33.00 tỷ đồng** thấp hơn 94.2% so với cùng kỳ năm trước.



Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **27.76 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và thấp hơn 59.8% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **340.6 tỷ đồng** giảm đi 1.42% so với kỳ trước và thấp hơn 44.7% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.94 tỷ đồng** tăng thêm 11.9% so với kỳ trước và thấp hơn 61.2% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,717	1,815	-5.4%	2,307	-25.6%	3,532	4,367	-19.1%
Giá vốn hàng bán	1,446	1,456	-0.7%	1,986	-27.2%	2,902	3,658	-20.7%
Lợi nhuận gộp	270	359	-24.7%	321	-15.8%	630	709	-11.2%
Doanh thu HĐTC	46.6	41.9	11.1%	1,120	-95.8%	88.5	1,225	-92.8%
Chi phí TC	28.6	29.2	-2.1%	84.6	-66.2%	57.8	173	-66.7%
Chi phí lãi vay	27.8	27.8	-0.1%	69.0	-59.8%	55.5	156	-64.3%
LN trong công ty LKLD	61.4	18.4	233%	13.2	365%	79.7	15.6	411%
Chi phí bán hàng	242	242	0.1%	411	-41.0%	484	722	-32.9%
Chi phí QLDN	98.2	104	-5.6%	205	-52.1%	202	295	-31.6%
LN thuần từ HĐKD	9.22	44.9	-79.5%	753	-98.8%	54.1	758	-92.9%
Lợi nhuận khác	1.24	-0.50	349%	-3.34	137%	0.74	-2.65	128%
LN trước thuế	10.5	44.4	-76.4%	750	-98.6%	54.8	756	-92.7%
Lợi nhuận sau thuế	11.0	21.7	-49.5%	715	-98.5%	32.6	565	-94.2%
LNST của CĐ cty mẹ	1.76	9.53	-81.5%	918	-99.8%	11.3	599	-98.1%

